CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo

Ngày 30/09/2025	2,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

DT thuần
Q3/25
86.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.10| -4.6%
YoY: ▼63.0| -42.3%

LN thuần
Q3/25
28.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.80| 51.3%
YoY: ▼46.1| -61.5%

LN sau thuế
Q3/25
21.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.20| 50.0%
YoY: ▼46.5| -68.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
36.7%
YoY: +/-▲ 11.7%

ROE (TTM)
Q3/25
0.2%
YoY: +/-▼ 0.4%

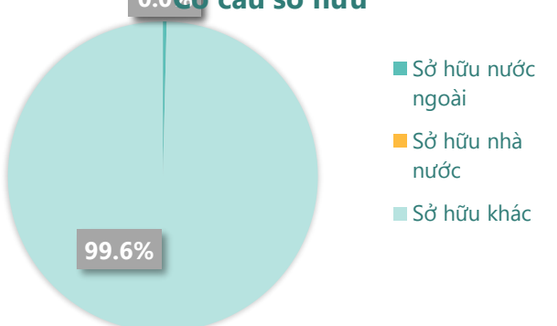
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,158
Số lượng CPLH (CP)	938,321,575
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	-
EPS	27
P/E	86.6

DT thuần
9T 2025
243
tỷ VNĐ
YoY: ▼48.0| -16.5%

LN thuần
9T 2025
47.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼96.4| -66.9%

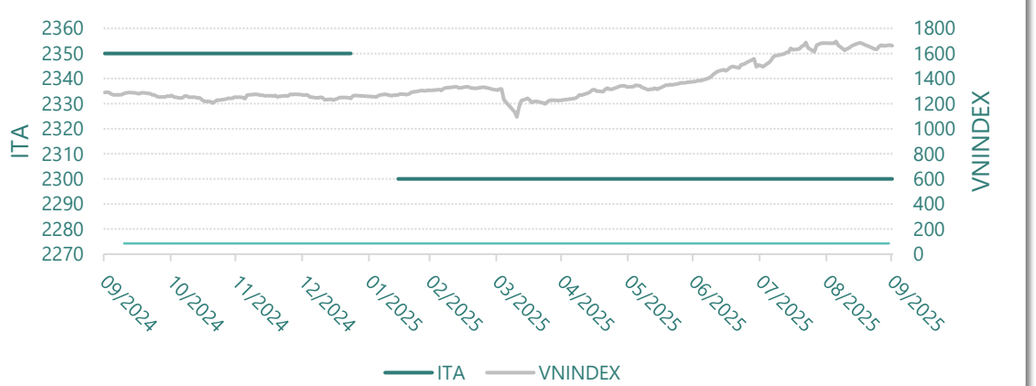
LN sau thuế
9T 2025
43.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼88.6| -67.2%

Cơ cấu sở hữu

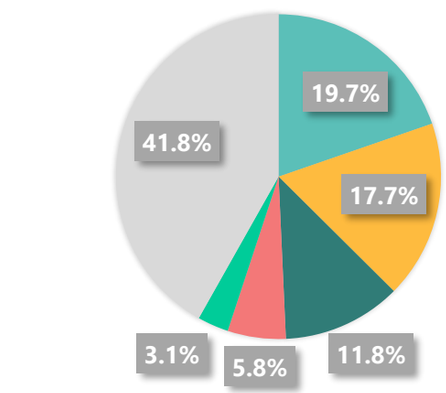


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

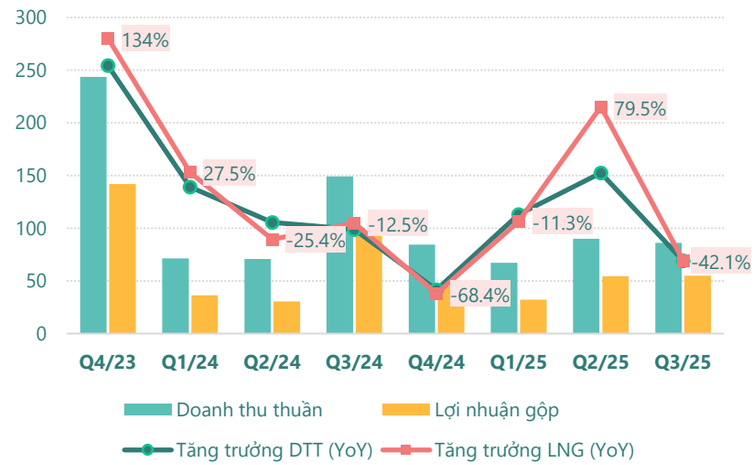


- CTCP Tập Đoàn Tân Tạo
- CTCP Đại học Tân Tạo
- CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Tân Đông Phương
- Đặng Thị Hoàng Yến (Chủ tịch HĐQT)
- Đặng Thành Tâm
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

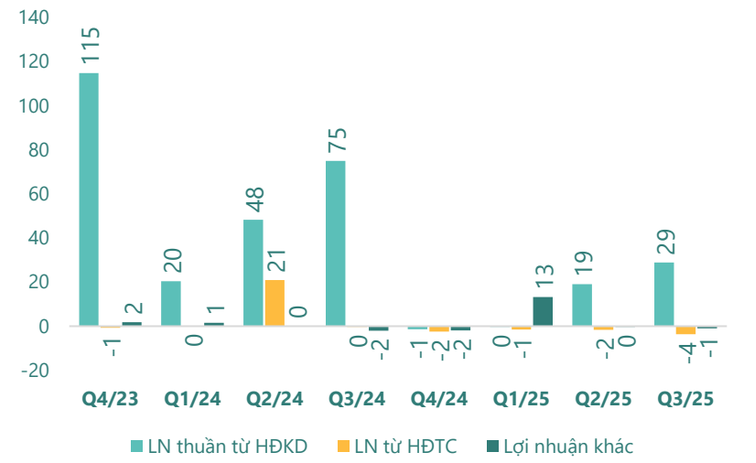
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



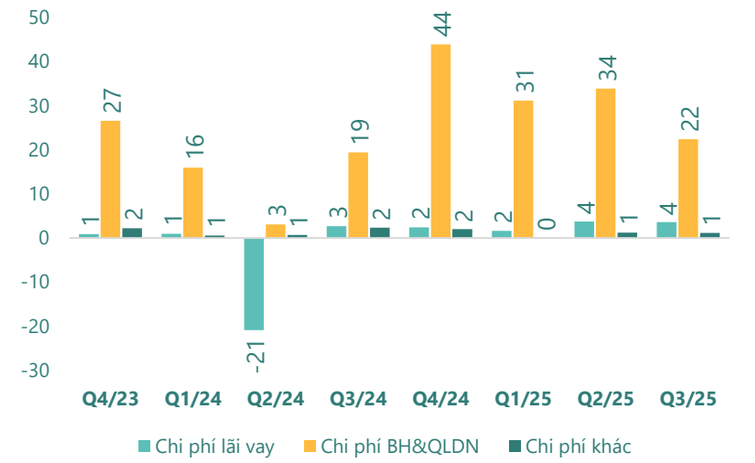
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



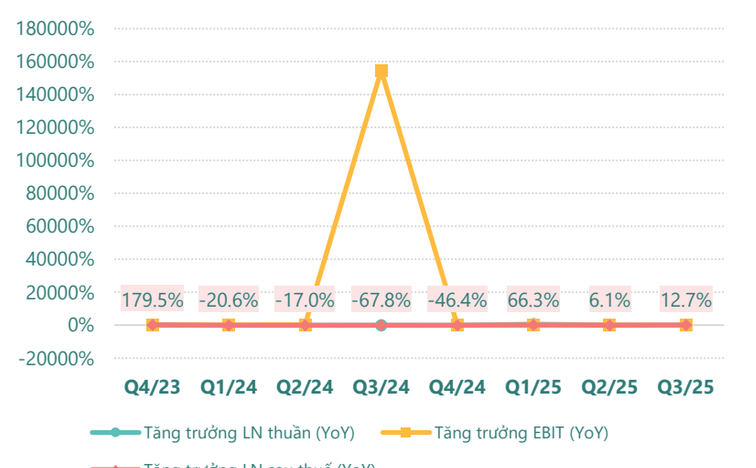
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



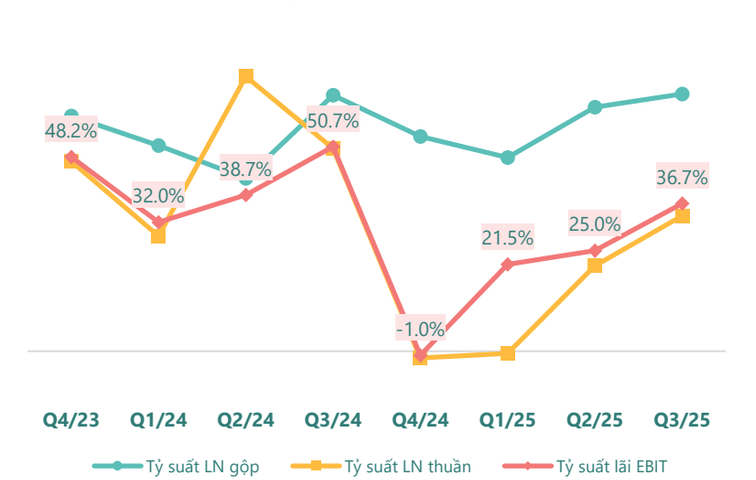
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



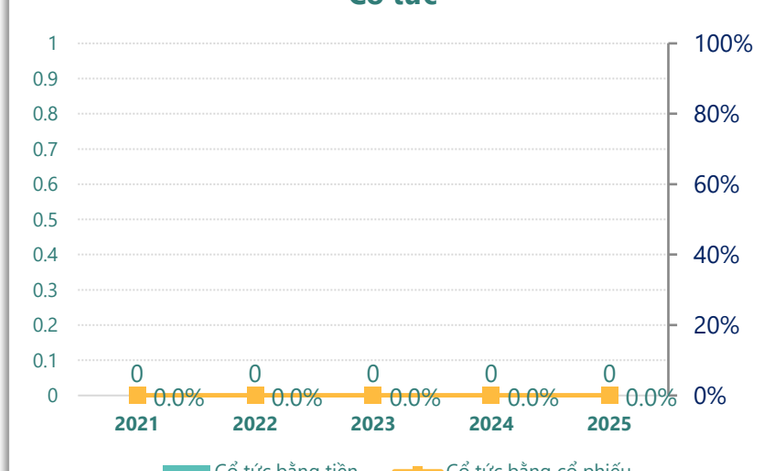
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

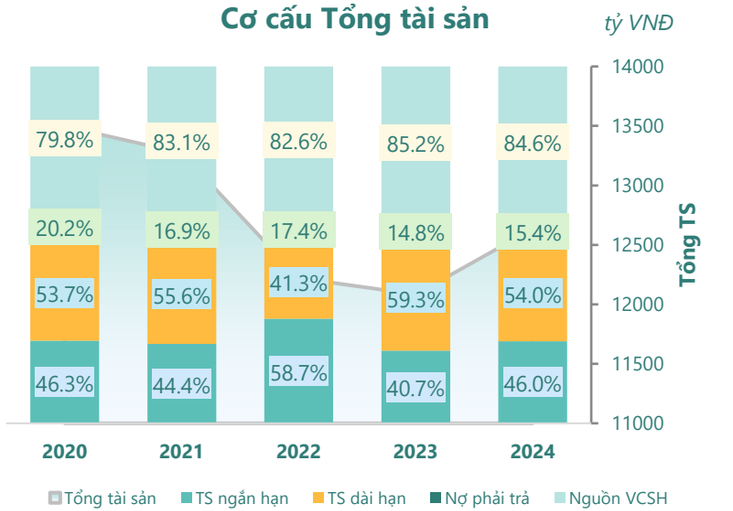
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

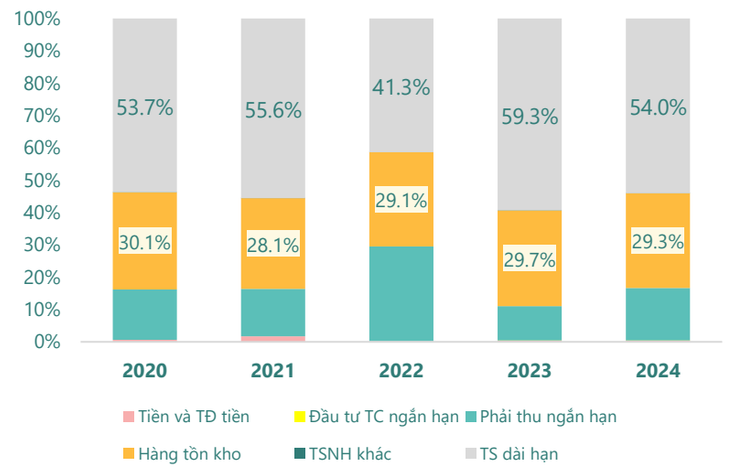
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



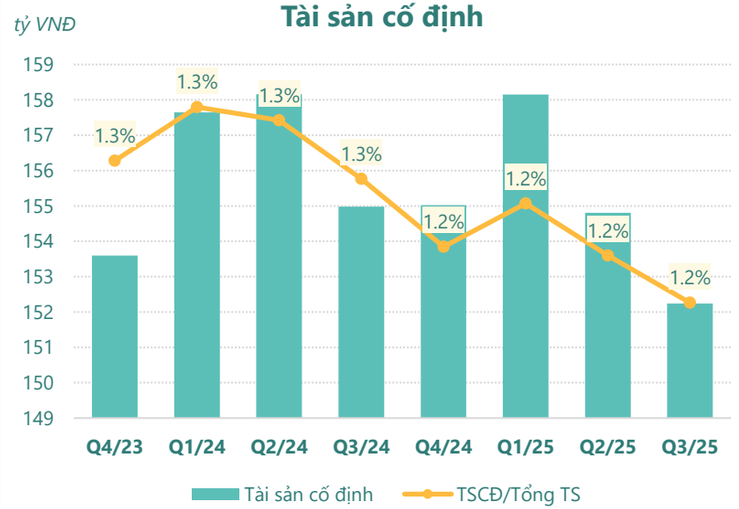
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



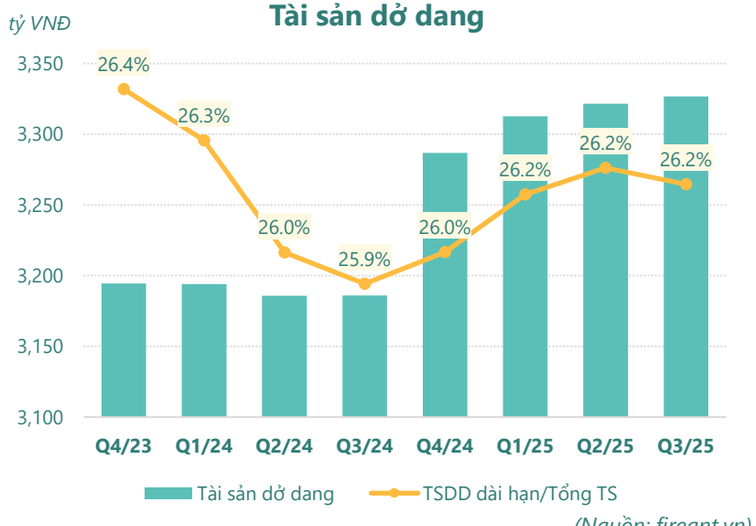
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



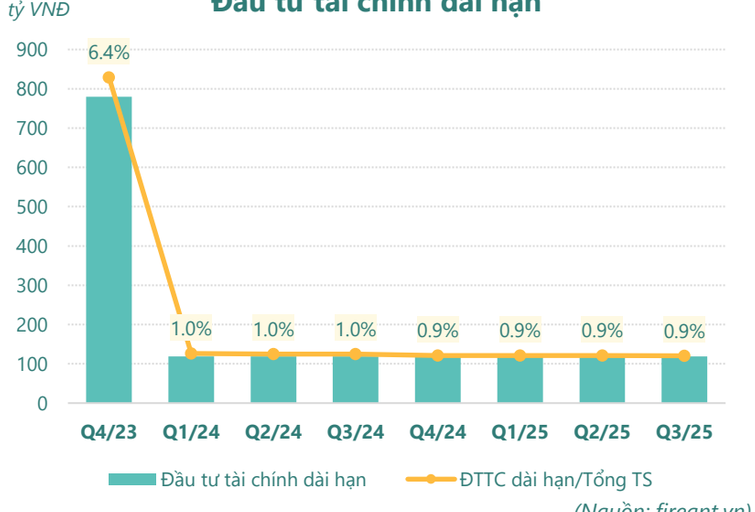
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



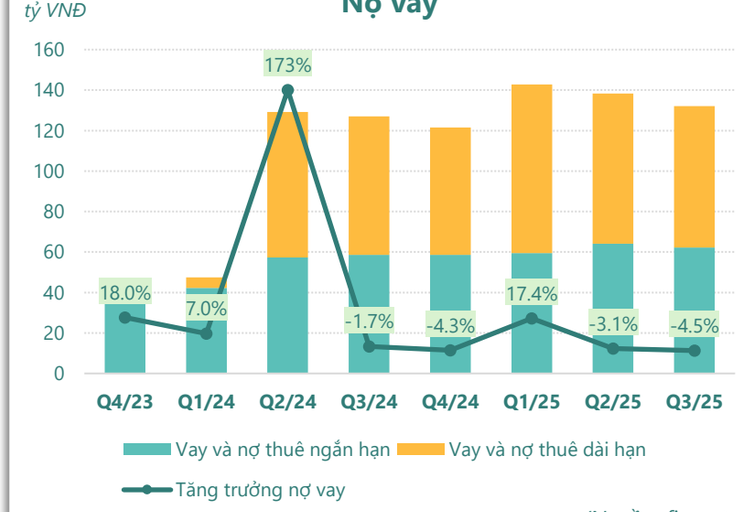
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

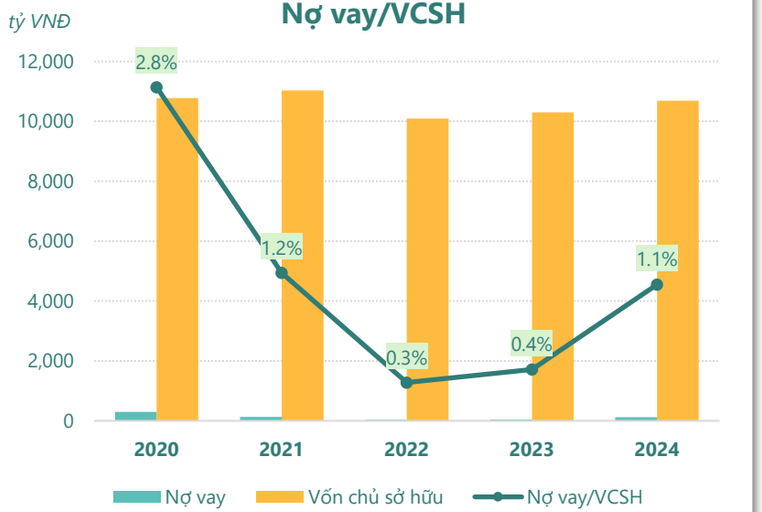
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

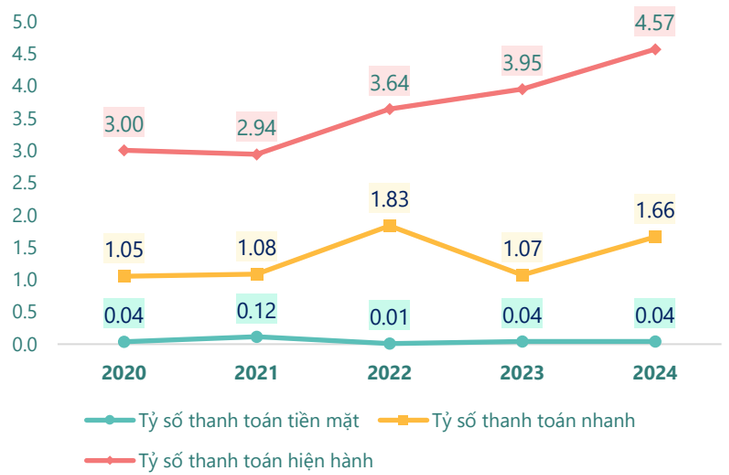
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



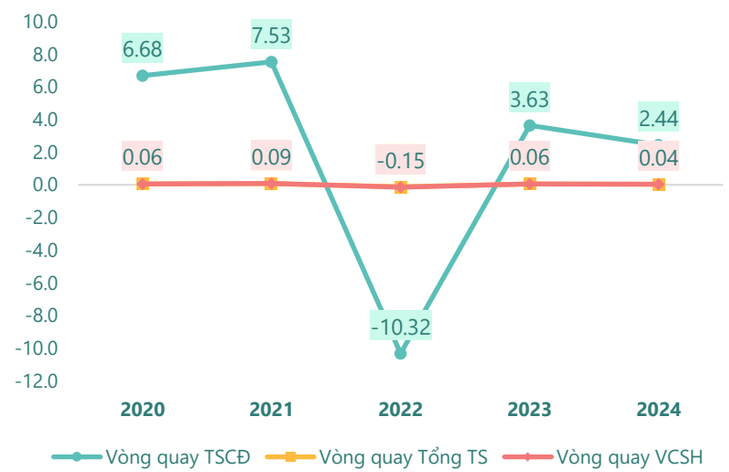
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



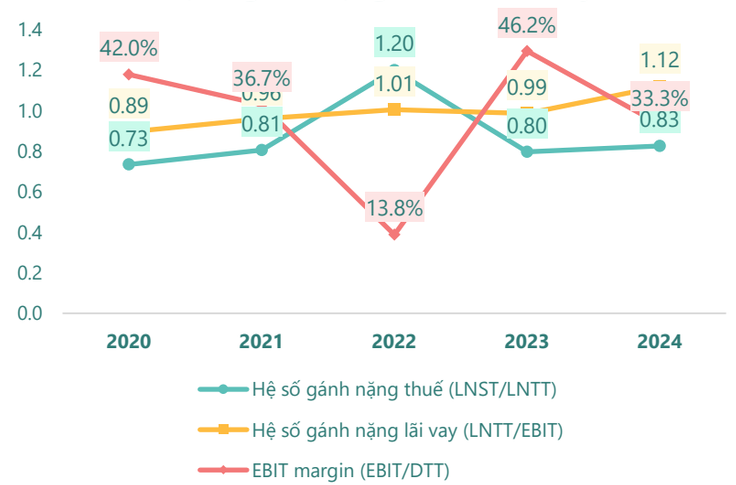
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



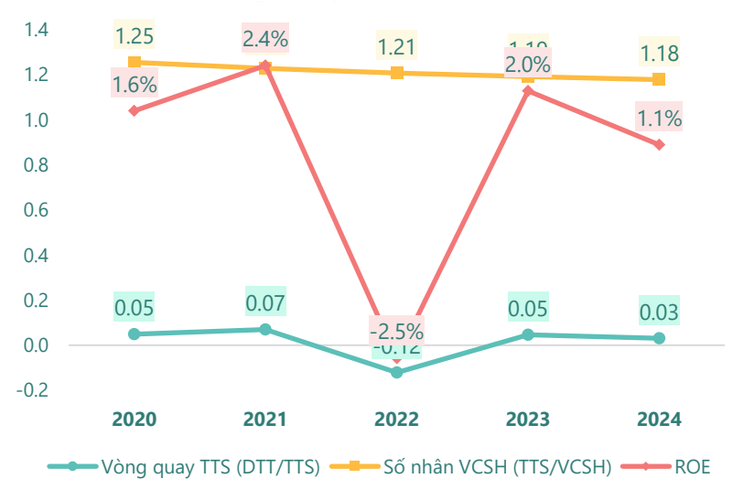
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



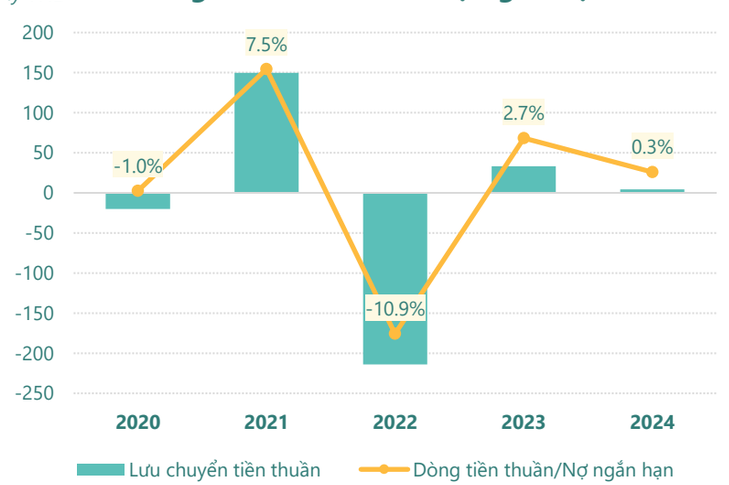
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**86.0**	**149**	**-42.3%**	**243**	**291**	**-16.5%**
Giá vốn hàng bán	31.1	54.4	-42.8%	102	130	-21.7%
Lợi nhuận gộp	54.9	94.7	-42.1%	142	162	-12.3%
Doanh thu HĐTC	0.01	2.33	-99.5%	2.25	2.66	-15.2%
Chi phí TC	3.59	2.64	36.0%	8.91	-17.9	150%
Chi phí lãi vay	3.59	2.67	34.5%	8.91	-17.3	152%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.31	0.06	410%	1.04	0.19	436%
Chi phí QLDN	**22.1**	**19.3**	**14.4%**	**86.4**	**38.2**	**126%**
LN thuần từ HĐKD	28.9	75.0	-61.5%	47.6	144	-66.9%
Lợi nhuận khác	**-0.96**	**-2.01**	**52.1%**	**12.0**	**-0.46**	**2690%**
LN trước thuế	27.9	73.0	-61.7%	59.6	143	-58.4%
Lợi nhuận sau thuế	**21.5**	**68.0**	**-68.5%**	**43.4**	**132**	**-67.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**21.0**	**67.4**	**-68.9%**	**42.0**	**131**	**-67.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-56.6	15.3	-48.6	-40.2	-33.6	13.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	61.6	-22.8	18.8	-1.14	7.34	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	82.7	-6.59	-1.04	21.2	-4.49	-6.19
Tiền đầu kỳ	14.4	102	65.3	55.1	34.9	4.17
Lưu chuyển tiền thuần	**87.8**	**-14.1**	**-30.8**	**-20.2**	**-30.8**	**6.90**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	102	65.3	57.3	34.9	4.17	11.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**12,701**	**12,634**	**0.5%**
Tài sản ngắn hạn	5,835	5,810	0.4%
Tiền và tương đương tiền	11.1	55.1	-79.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.00	2.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	2,008	2,051	-2.1%
Hàng tồn kho	3,794	3,698	2.6%
Tài sản ngắn hạn khác	19.8	4.36	354%
Tài sản dài hạn	**6,866**	**6,824**	**0.6%**
Phải thu dài hạn	2,874	2,845	1.0%
Tài sản cố định	152	155	-1.8%
Bất động sản đầu tư	303	323	-6.1%
Tài sản dở dang	3,327	3,287	1.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	119	119	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**14.4**	**14.5**	**-0.8%**
Lợi thế thương mại	76.4	80.9	-5.6%
Nợ phải trả	1,970	1,947	1.2%
Nợ ngắn hạn	**1,323**	**1,271**	**4.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	62.2	58.7	6.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	126	151	-16.7%
Nợ dài hạn	648	675	-4.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	69.9	62.9	11.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**10,730**	**10,687**	**0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**10,730**	**10,687**	**0.4%**
Vốn điều lệ	9,385	9,385	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)